

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng chờ thi: E304

Môn thi: Kỹ năng nghe

Ca thi: 9h45

Ngày thi: 11/12/2022

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	18810310341	Trần Văn	An	16/06/2000			
2	TA0002	18810110025	Trần Văn	An	12/11/2000			
3	TA0003	19810710122	Cao Lan	Anh	09/12/2001			
4	TA0004	18810430093	Chu Tuấn	Anh	19/10/2000			
5	TA0005	18810170292	Đàm Đức	Anh	10/01/2000			
6	TA0006	18810410058	Đinh Quang	Anh	26/09/2000			
7	TA0007	18810620104	Đinh Tiến	Anh	14/02/2000			
8	TA0008	1781620002	Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999			
9	TA0009	18810340700	Đoàn Thị Lan	Anh	21/08/2000			
10	TA0010	1781110102	Doãn Tuấn	Anh	12/10/1999			
11	TA0011	18810210003	Dương Thị Ngọc	Anh	10/01/2000			
12	TA0012	18810110226	Lâm Đức	Anh	15/09/2000			
13	TA0013	19810110121	Lê Đức	Anh	05/05/2001			
14	TA0014	18810850035	Lê Đức	Anh	25/01/2000			
15	TA0015	18810610024	Lê Thế	Anh	21/10/2000			
16	TA0016	19810830065	Lê Thị Quỳnh	Anh	22/04/2001			
17	TA0017	18810340601	Nguyễn Quỳnh	Anh	20/11/2000			
18	TA0018	18810230044	Nguyễn Thị Lan	Anh	17/09/2000			
19	TA0019	19810810079	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/08/2001			
20	TA0020	18810420062	Nguyễn Tiến	Anh	01/02/2000			
21	TA0021	18810110135	Nguyễn Tiến	Anh	30/08/2000			
22	TA0022	18810620043	Phạm Tuấn	Anh	23/08/2000			
23	TA0023	18810340317	Phan Đình	Anh	19/05/2000			
24	TA0024	1781410306	Trần Ngọc	Anh	04/01/1999			

25	TA0025	1781810107	Vũ Diệu	Anh	27/11/1999			
26	TA0026	18810230051	Đặng Ngọc	Ánh	15/09/2000			
27	TA0027	18810710130	Đinh Phương Ngọc	Ánh	09/01/2000			
28	TA0028	19810310046	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/08/2001			
29	TA0029	19810820052	Phương Thị Ngọc	Ánh	11/02/2001			
30	TA0030	18810430074	Tạ Đình	Bắc	09/07/2000			
31	TA0031	18810310126	Phan Ngọc	Bách	12/11/2000			
32	TA0032	18810340537	Bùi Chí	Bảo	10/11/2000			
33	TA0033	18810170136	Đỗ Ngọc	Bảo	15/05/2000			
34	TA0034	18810830068	Nguyễn Thị	Bích	04/12/2000			
35	TA0035	20810810001	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	14/09/2002			
36	TA0036	19810710137	Trần Khánh	Chi	26/08/2001			
37	TA0037	18810340684	Phạm Thị Mai	Chinh	29/06/2000			
38	TA0038	1781320001	Đỗ Mạnh	Cường	18/12/1999			
39	TA0039	18810410131	Lê Quý Hoàng	Cường	19/05/2000			
40	TA0040	18810310058	Phạm Quảng	Đại	26/09/2000			
41	TA0041	18810110060	Trần Hoàng	Đại	08/05/2000			
42	TA0042	18810110301	Lường Văn	Đào	02/06/1999			
43	TA0043	18810340510	Dương Tiến	Đạt	26/12/2000			
44	TA0044	1781310018	Lê Quốc	Đạt	20/05/1999			
45	TA0045	18810310282	Nguyễn Minh	Đạt	14/08/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)